



Những giải pháp nhằm đưa thương phiếu đi vào cuộc sống ở Việt Nam

TS. TRẦN HUY HOÀNG

Dù chưa có một thương phiếu theo đúng nghĩa thực sự của nó ra đời, nhưng với tốc độ tăng trưởng kinh tế ngày càng một nâng cao, mức độ cạnh tranh ngày càng một gay gắt, nhu cầu về vốn ngày càng bức thiết, cũng như môi trường pháp lý ngày một hoàn thiện, thì nhu cầu nảy sinh thương phiếu cũng là một tất yếu. Vấn đề là thời gian sớm hay muộn mà thôi.

Quan hệ mua bán chịu hay quan hệ tín dụng thương mại phát sinh trong lĩnh vực thương mại là một tất yếu khách quan. Trong quan hệ này có hai hình thức để xác nhận, tồn tại dưới hình thức các chứng từ được hạch toán bằng các khoản phải thu, phải trả hoặc thương phiếu. Nếu như các khoản phải trả, phải thu chỉ giải quyết được tình trạng thiếu vốn tạm

thời cho doanh nghiệp mà không có tính lưu thông thì thương phiếu lại đáp ứng được cả hai yêu cầu này. Xã hội càng phát triển, áp lực cạnh tranh càng lớn thì áp lực nảy sinh thương phiếu càng cao. Hay nói cách khác, trong một nền kinh tế phát triển, sự có mặt của thương phiếu là tất yếu dù bên cạnh nó có nhiều phương tiện, kĩ thuật thanh toán hiện đại khác.

Là một đất nước đang phát triển, Việt Nam đang trên con đường sửa đổi, cải cách, hoàn thiện các yếu tố thị trường cũng như cơ chế chính sách để tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển kinh tế xã hội đưa đất nước hội nhập cùng khu vực và quốc tế. Dù chưa có một thương phiếu theo đúng nghĩa thực sự của nó ra đời, nhưng với tốc độ tăng trưởng kinh tế ngày càng một nâng cao, mức độ cạnh tranh ngày càng một gay gắt, nhu cầu về vốn ngày càng bức thiết, cũng như môi trường pháp lý ngày một hoàn thiện, thì nhu cầu nảy sinh thương phiếu cũng là một tất yếu. Vấn đề là thời gian sớm hay muộn mà thôi.

Quốc hội đã công bố Pháp lệnh thương phiếu có hiệu lực thi hành từ ngày 1.7.2000 và Nghị định 32/2001-NĐ-CP nhằm hướng dẫn chi tiết thi hành Pháp lệnh này. Nhưng trên thực tế vẫn còn nhiều bất cập khiến trong thực tế chưa có thương phiếu đúng nghĩa. Thiết nghĩ, với tính tất yếu như trên thì việc đưa thương phiếu vào cuộc sống ở Việt Nam là điều hoàn toàn có thể làm được. Song để đạt được hiệu quả, phát huy hết tác dụng to lớn của thương phiếu đối với từng chủ thể cũng như với toàn bộ nền kinh tế, chúng tôi xin đưa ra một số kiến nghị sau:

Thứ nhất, để xuất hiện thương phiếu thì chủ thể phát hành ra nó phải ý thức được vai trò tác dụng to lớn của thương phiếu đối với mình cũng như tính bức thiết, sự ra đời tất yếu không sớm thì muộn của thương phiếu trong một nền kinh tế cạnh tranh và không ngừng phát triển. Từ đó, họ mới có năng lực để sử dụng nó. Thực tế là, ở Việt Nam các doanh nghiệp, các nhà sản xuất kinh doanh hiểu biết còn rất ít, rất mơ hồ về thương phiếu. Do vậy, Nhà nước cần phải tăng cường tổ chức các buổi phổ biến, tuyên truyền hay thảo luận về thương phiếu và vai trò của thương phiếu. Qua mỗi buổi phổ biến, hội thảo như vậy, cần kiểm tra lại hiểu biết của doanh nghiệp về thương phiếu (dưới hình thức viết bài thu hoạch chẳng hạn) đồng thời tổ chức thu thập những thông tin phản

hồi các thắc mắc, kiến nghị của doanh nghiệp về thương phiếu và các vấn đề liên quan. Từ đó, tổng hợp thông tin để có thể chuẩn bị cho quá trình soạn thảo luật được tổng quát hơn.

Việc thứ hai phải làm là, khi các doanh nghiệp đã hiểu biết được những lợi ích của thương phiếu và ủng hộ sự ra đời của nó thì yếu tố pháp lý chặt chẽ, rõ ràng, hợp lý sẽ tạo niềm tin và kích thích, khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng thương phiếu trong thực tế. Do vậy, lúc này Luật về thương phiếu cần phải được ra đời làm cơ sở điều chỉnh các quan hệ phát sinh khi sử dụng thương phiếu ra đời trên cơ sở Pháp lệnh thương phiếu trước đây phải loại bỏ được những mâu thuẫn, cụ thể hóa những điều còn vướng mắc, chưa rõ ràng, bổ sung những thiếu sót trong Pháp lệnh và mang tính hội nhập cao hơn. Theo chúng tôi cần phải chỉnh sửa, bổ sung mấy điều như sau:

+ Về cơ sở phát hành thương phiếu, luật phải xác định một cách rõ ràng, tránh tình trạng gây hiểu mơ hồ, nhiều cách hiểu khác nhau như trong Pháp lệnh thương phiếu hiện nay. Thiết nghĩ, đối với Việt Nam, trong giai đoạn đầu khi Luật thương phiếu mới ra đời, do trong nền kinh tế phần lớn là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, chưa tạo lập được uy tín trên thị trường nên thương phiếu do họ ký phát hành ra khó lòng được tin tưởng, chấp nhận, như vậy, để tạo điều kiện thuận lợi bước đầu cho thương phiếu ra đời, việc quy định thương phiếu được phát hành phải có sự tham gia bảo lãnh của tổ chức tín dụng là điều hợp lý.

Nhưng qui định này sẽ làm thương phiếu Việt Nam khác hẳn với thông lệ quốc tế, hơn nữa lại đem đến một số điều bất lợi cho ngân hàng về việc chiết khấu, cầm cố thương phiếu, làm tăng chi phí sử dụng thương phiếu của doanh nghiệp, hạn chế phạm vi được phát hành của thương phiếu. Do vậy qui định này chỉ nên mang tính chất tạm thời trong 1,2 năm đầu sử dụng thương phiếu. Khi các doanh nghiệp Việt Nam đã đủ khả năng khẳng

định uy tín của mình, ngân hàng sẽ không cần tham gia vào quá trình ký phát hành thương phiếu nữa, thương phiếu do doanh nghiệp ký phát hành vẫn được chấp nhận và lưu thông trên thị trường mà không nhất thiết phải có sự bảo lãnh của ngân hàng. Vấn đề là bản thân các doanh nghiệp phải tự ý thức xây dựng, củng cố uy tín trên thị trường để có thể vẫn được tin nhiệm khi ngân hàng rút khỏi vai trò bảo lãnh. Muốn vậy, Nhà nước phải công khai hóa ý định này ngay từ đầu và phổ biến rộng rãi cho các doanh nghiệp biết mà ý thức phấn đấu, không ỷ lại vào ngân hàng.

+ Vấn đề tiếp theo, là việc sử dụng từ ngữ trong Luật phải phân biệt cho rõ ràng khái niệm: hối phiếu và lệnh phiếu, tránh nhập nhằng, lẫn lộn như hiện nay. Quan điểm thống nhất là: Hối phiếu là do chủ nợ lập, tức người bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ; còn lệnh phiếu là do con nợ lập, tức người mua hàng hóa, dịch vụ.

+ Tiếp nữa là trong Luật phải xác định rõ tổ chức tín dụng có quyền tham gia với tư cách là người ký phát hành thương phiếu hay không. Theo chúng tôi, việc tổ chức tín dụng tham gia với tư cách là người ký phát hành thương phiếu là hoàn toàn có thể chấp nhận được. Việc quy định này sẽ đem lại sự thống nhất giữa Pháp lệnh thương phiếu và Luật doanh nghiệp về quan điểm: Tổ chức tín dụng cũng được xem là một doanh nghiệp; giải quyết được mâu thuẫn hiện hành trong Luật, đồng thời cho phép ngân hàng có thêm một công cụ thanh toán. Nếu như vậy thì Khoản 2 Điều 2 trong Nghị định 32 và dòng: "Tổ chức tín dụng không phải là người ký phát, người phát hành" trong Điều 2 của Pháp lệnh thương phiếu phải bỏ đi cho phù hợp.

+ Pháp lệnh qui định về mẫu thương phiếu là do Ngân hàng Nhà nước ban hành thống nhất, song trên thực tế sẽ phát sinh những quan hệ có tính chất khác nhau, cần được linh hoạt về mẫu thương phiếu. Theo chúng tôi, một thương phiếu được coi là hợp lệ, nằm trong sự điều chỉnh của Luật khi nó chứa đựng đầy đủ

nội dung mà luật qui định. Bởi lẽ, thực sự việc qui định về mẫu thương phiếu thống nhất là không cần thiết, nó không ngăn chặn được tình trạng làm giả hay đơn giản hơn về tính hợp pháp của thương phiếu. Sự linh hoạt về mẫu thương phiếu sẽ giúp cho việc ký phát thương phiếu được tiện lợi, kích thích người ta sử dụng nó nhiều hơn. Hơn nữa, điều này cũng phù hợp với Luật thương phiếu quốc tế.

+ Về thủ tục ký hậu để chuyển nhượng hối phiếu, Luật cần bổ sung trường hợp ký hậu để trống để tăng tính lưu thông cho hối phiếu, đây có thể xem như một dạng hối phiếu vô danh có khả năng lưu thông như tiền trên thị trường tiền tệ.

Ngoài ra, việc bổ sung điều khoản về "sự can thiệp" trong Luật thương phiếu cũng là việc nên làm. Bởi lẽ điều này tạo ra cơ hội cứu uy tín cho chủ thể ký phát hành thương phiếu trong trường hợp họ không có khả năng thanh toán thương phiếu đến hạn do rủi ro ngoài ý muốn. Nó có tác dụng làm cho Luật đầy đủ hơn, đồng thời các chủ thể tham gia quan hệ thương phiếu cũng an tâm hơn.

Cả hai điều trên đều đã được Luật thương phiếu quốc tế thông qua.

+ Một vấn đề nữa trong luật cần phải làm rõ là: Thủ tục tố tụng, kiện truy đòi khi xảy ra tranh chấp hay người có trách nhiệm không chịu thanh toán khi thương phiếu đáo hạn. Đây là vấn đề mà cả ngân hàng và các doanh nghiệp rất quan tâm. Quy định có chặt chẽ, cụ thể thì các chủ thể có liên quan trong quan hệ thương phiếu mới có cơ sở bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình. Giúp các doanh nghiệp và ngân hàng giảm thiểu chi phí về tiền, thời gian, công sức nếu tham gia vào các vụ kiện tụng, truy đòi.

+ Luật cần phải có qui định thêm về quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia trong quan hệ phát sinh lệnh phiếu. Bởi đây chính là cơ sở để bảo vệ cũng như truy tố trách nhiệm của họ trước pháp luật.

Một điều đáng quan tâm nữa khi nhắc đến hệ thống văn bản pháp

luật ở Việt Nam. Đó là dù đã có Luật ra đời nhưng sẽ không ai dám làm nếu không có thêm các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành chi tiết. Do vậy, sau khi Luật thương phiếu ra đời, Chính phủ cần nhanh chóng ban hành các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành chi tiết xuống các bộ, ngành để Luật có thể được triển khai trong thực tế.

Thứ ba, song song với việc cho ra đời Luật về thương phiếu hoàn chỉnh là việc đưa Trung tâm thông tin tín dụng vào hoạt động với đầy đủ các chức năng vốn có của nó. Bởi lẽ, muốn thương phiếu được ký phát hành và có giá trị lưu thông (một tính chất không thể thiếu của thương phiếu để nó có thể phát huy hết tác dụng) thì năng lực thanh toán, uy tín của người ký phát hành phải được khẳng định, phải có cơ sở để tin tưởng. Và Trung tâm thông tin tín dụng chính là nơi cung cấp các thông tin này.

Thứ tư, Nhà nước cần có những ưu đãi hợp lý dành cho các doanh nghiệp cũng như các tổ chức tín dụng tham gia vào quan hệ tài chính phát sinh thương phiếu, khuyến khích họ sử dụng thương phiếu làm phương tiện thanh toán. Bởi lẽ, với việc tham gia bắt buộc của tổ chức tín dụng vào quá trình phát hành thương phiếu trong giai đoạn đầu của giải pháp, đã

làm tăng chi phí cho việc sử dụng thương phiếu làm phương tiện thanh toán, gây tâm lý e dè cho doanh nghiệp khi sử dụng cũng như gây bất lợi cho các tổ chức tín dụng trong nghiệp vụ chiết khấu, cầm cố thương phiếu.

+ Đối với các tổ chức tín dụng: luật cần tạo điều kiện thuận lợi cho việc truy đòi của tổ chức tín dụng đối với người có trách nhiệm thanh toán được bảo lãnh khi tổ chức tín dụng đã thanh toán thay. Tổ chức tín dụng có thể có quyền trực tiếp phát mãi tài sản của doanh nghiệp có trách nhiệm thanh toán thương phiếu với thủ tục đơn giản nhanh chóng. Như thế thì họ mới mạnh dạn tham gia bảo lãnh hay chấp nhận thương phiếu.

Ngoài ra, Nhà nước có thể ưu đãi về mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các tổ chức tín dụng tham gia bảo lãnh hay chấp nhận thương phiếu và đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay doanh nghiệp. Các điều ưu đãi này cần được qui định cụ thể rõ ràng và thống nhất. Cần phải có các nghị định, thông tư hướng dẫn cụ thể thì các tổ chức tín dụng mới có thể triển khai được.

Thứ năm, để dẹp bỏ cản trở sự ra đời thương phiếu, cơ chế cho vay ngắn hạn của ngân hàng thương mại

cần chặt chẽ hơn. Các ngân hàng thương mại không nên cho vay để đảo nợ, đồng thời, ngân hàng cần tăng cường khả năng quản lý mục đích sử dụng vốn của khách hàng. Hơn ai hết, ngân hàng cần mạnh dạn thực hiện nghiệp vụ chiết khấu khi doanh nghiệp xuất trình thương phiếu.

Thứ sáu, liên quan đến việc tạo lập một môi trường kinh doanh năng động, cạnh tranh gay gắt mà lành mạnh, tức nâng cao trình độ phát triển của nền kinh tế, đòi hỏi Nhà nước phải có một loạt các chương trình phát triển, hành động cụ thể trong từng giai đoạn, nhằm khuyến khích các nhân tố, thành phần trong nền kinh tế cùng phát triển đưa đất nước hội nhập cùng khu vực và thế giới. Nhà nước cần tạo điều kiện để phát triển đầy đủ các yếu tố thị trường cũng như nâng cao vai trò quản lý vĩ mô, tránh tình trạng can thiệp quá sâu gây trở ngại cho sự phát triển như vốn có của các yếu tố đó.

Trên đây là sáu giải pháp khả thi và cơ bản, mà theo chúng tôi nếu được vận dụng, triển khai giải quyết triệt để thì chắc chắn thương phiếu đích thực sẽ xuất hiện và lưu thông rộng rãi trong thanh toán tại Việt Nam trong một tương lai không xa ■

(Tiếp theo trang 5)

Hiện đại hoá ngân hàng...

Hoặc suy cho cùng, tổng dự trữ quốc tế của VN đều nằm phân tán ở các ngân hàng thương mại (không phải nằm trong kho của NHNN như mọi người thường nghĩ), và liệu rằng NHNN đã có được những thông tin chính xác về tổng dự trữ này hay chưa. Nếu không thì làm sao NHNN có thể tư vấn cho chính phủ chính xác về chính sách tỷ giá và các chính sách tiền tệ khác. Những thông tin không chính xác mà NHNN nhận được sẽ tác động ngược trở lại nền kinh tế. Các ngân hàng thương mại là nơi phải thực hiện các quyết định này trước tiên, và tất nhiên cuối cùng là những ai trót lỡ sử dụng các

dịch vụ của ngân hàng phải lãnh đủ. Một gia tăng trong tỷ lệ dự trữ bắt buộc chẳng hạn, sẽ làm gia tăng các chi phí đầu vào của ngân hàng và ảnh hưởng đến các khoản lãi suất vay dài hạn mà các doanh nghiệp đã lỡ vay của các ngân hàng trong nước. Nếu trong tương lai, các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tự do tại VN, có lẽ sẽ rất ít ai dám sử dụng các dịch vụ do ngân hàng trong nước cung ứng, chừng nào mà các thông tin minh bạch từ phía các ngân hàng thương mại vẫn còn chưa chuyển tải đến NHNN.

Tóm lại, những thông tin sạch liên quan đến việc minh bạch hoá các thông tin tài chính từ phía các khách hàng là các nhà đầu tư, công chúng, các doanh nghiệp, đặc biệt là DNN, luôn

luôn luôn là những gì mà các ngân hàng mong muốn, nhưng điều này lại nằm ngoài tầm kiểm soát của các ngân hàng. Những vấn đề liên quan đến công khai và minh bạch hoá các thông tin tài chính phải được thể chế hoá bằng những đạo luật cụ thể. Quá trình hiện đại hoá ngân hàng, mới nghe qua, cứ tưởng đâu như là những vấn đề thuộc về công nghệ. Nhưng thực tế, chúng vẫn không tách rời khỏi các quá trình thuộc về chính sách do con người đặt ra. Hiện đại hoá ngân hàng, mặc dù đã tạo được những thành tựu đáng kể, nhưng muốn thành công hơn nữa, quá trình này phải song hành với các đạo luật về minh bạch hoá, mà đây lại là những vấn đề khá nhạy cảm ở VN trong quá trình hội nhập ■